

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 23-8-2024

“Tranh chấp về HNGĐ - ly hôn,
Tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

2. Ông Lê Khắc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Bà Trần Thị Ngọc Quý- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 458/2024/QĐXX-PT, ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Kim H, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: 14A, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi tạm trú: 57A/2 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Phan Trung H1, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: 14A, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Phan Trung H1 có mặt; chị Lê Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người kháng cáo: Anh Phan Trung H1 – Là bị đơn trong vụ án.
Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Kim H trình bày:

Chị H và anh H1 kết hôn 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H1 thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, đá gà, cờ bạc không lo cho gia đình chị H khuyên thì anh H1 có những lời lẽ xúc phạm chửi, đánh đập chị H, vì con nên chị H cố gắng chịu đựng hy vọng thời gian anh H1 sẽ sửa đổi để cùng chị H chăm lo nuôi dạy con, nhưng anh H1 vẫn không thay đổi, có lần chị H đã gửi đơn xin ly hôn với anh H1 tại Tòa án, nhưng anh H1 năn nỉ hứa sửa đổi nên chị H rút đơn xin ly hôn và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết bằng quyết định số 86/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2023. Nhưng sau khi chị H rút đơn xin ly hôn thì anh H1 vẫn không sửa đổi mà vẫn ăn nhậu, đá gà, đánh bài không lo cho gia đình, Chị H và anh H1 không chung sống từ tháng 9/2023 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh H1.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh H1 có 02 con chung tên Phan Thị Tường V, sinh năm 2008; Phan Ngọc K, sinh năm 2020, 02 con do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi.

Tài sản chung nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị H không có yêu cầu nào khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh Phan Trung H1 trình bày: Anh H1 và chị H kết hôn năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trước đây anh H1 có rượu chè, số đề, đá gà, có lần anh H1 đánh chị H, vợ chồng lời qua tiếng lại chị H bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống, anh H1 có năn nỉ chị H quay về nhưng chị H không đồng ý. Trước đây có lần chị H xin ly hôn với anh H1 tại Tòa án nhưng sau đó chị H rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết, khi chị H rút đơn thì anh H1 và chị H cũng không trở về chung sống. Sau một thời gian thì H nộp đơn lại như ngày hôm nay, anh H1 và chị H không chung

sống từ tháng 9/2023 đến nay. Hiện nay anh H1 đã sửa đổi không còn đá gà, đánh đề, nhậu nữa. Nay chị H xin ly hôn anh H1 không đồng ý vì còn thương chị H.

Quá trình chung sống anh H1 và chị H có 02 con chung tên Phan Thị Tường V, sinh năm 2008; Phan Ngọc K, sinh năm 2020, 02 con do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng từ ngày vợ chồng sống ly thân đến nay. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của H thì anh H1 đồng ý để chị H nuôi 02 con anh H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Kim H. Chị Lê Kim H được ly hôn với anh Phan Trung H1.

- Về con chung: Chị Lê Kim H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phan Thị Tường V, sinh ngày 20/3/2008; Phan Ngọc K, sinh ngày 05/10/2020, chị H không yêu cầu anh H1 nuôi con

Chị H và các thành viên gia đình không được quyền cản trở anh H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh H1 không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Phan Trung H1 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý ly hôn với chị Lê Kim H.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn chị Lê Kim H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với án sơ thẩm đã tuyên.

- Bị đơn anh Phan Trung H1 giữ yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị Lê Kim H.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Trung H1, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Kim H** đối với anh **Phan Trung H1** được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh **H1** không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án **T** thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh **Phan Trung h** không đồng ý ly hôn với anh **Phan Trung H1**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị **H** và anh **H1** kết hôn 2007 có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**. Sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh **H1** thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, đá gà, cờ bạc không lo cho gia đình chị **H** khuyên thì anh **H1** có những lời lẽ xúc phạm, chửi, đánh đập chị **H**, vì con nên chị **H** cố gắng chịu đựng hy vọng thời gian anh **H1** sẽ sửa đổi để cùng chị **H** chăm lo nuôi dạy con, nhưng anh **H1** vẫn không thay đổi, có lần chị **H** đã gửi đơn xin ly hôn với anh **H1** tại Tòa án, nhưng do anh **H1** năn nỉ hứa sửa đổi nên chị **H** rút đơn xin ly hôn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết bằng quyết định số: 86/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2023.

Đến nay, giữa chị **H** với anh **H1** vẫn không hòa giải để hàn gắn tình cảm gia đình được và chị **H** cũng đã ly thân không còn qua lại với anh **H1** nên việc hàn gắn tình cảm vợ chồng không có kết quả.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **H1**, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **H1** nên anh **H1** phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **H1**, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 59, 81, 82, 116 Luật HNGĐ; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **Phan Trung H1**.
- Giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân sơ thẩm số 17/2024/HNGĐ-ST ngày 21/03/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung;

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lê Kim H**.
Chị **Lê Kim H** được ly hôn với anh **Phan Trung H1**.
- Về con chung: Chị **Lê Kim H** được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên **Phan Thị Tường V**, sinh ngày 20/3/2008; **Phan Ngọc K**, sinh ngày 05/10/2020, chị **H** không yêu cầu anh **H1** nuôi con .

Chị **H** và các thành viên gia đình không được quyền cản trở anh **H1** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H**, anh **H1** không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Chị **Lê Kim H** phải chịu 300.000đ, tiền án phí của chị **H** được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 20/02/2024 theo biên lai thu số 0001435 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung chị **H** không phải nộp thêm.

- Về án phí phúc thẩm: Anh **Phan Trung H1** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai

số 0001658 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Lai Vung. Anh **Phan Trung H1** không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Lai Vung;
- Chi cục THADS H.Lai Vung;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng